

Số: /BC-TDTTVN
Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong thời gian qua, Cục Thể dục thể thao Việt Nam đã thành lập Tổ soạn thảo và tổ chức xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn phong đăng cấp vận động viên thể thao thành tích cao (sau đây gọi là dự thảo Thông tư). Tổ soạn thảo đã tiến hành khảo sát, xây dựng nội dung, tổ chức họp và xây dựng dự thảo Thông tư.

Ngày 30/6/2025, Cục Thể dục thể thao đã gửi Công văn số 975/TDTTVN-TTTC về việc góp ý dự thảo Thông tư lấy ý kiến đóng góp của 90 đơn vị, bao gồm: các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, đơn vị trực thuộc Cục Thể dục thể thao Việt Nam, các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gồm Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch – Tài chính. Đến nay, Cục Thể dục thể thao Việt Nam đã nhận được 17 Công văn trả lời của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Dự thảo Thông tư đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến theo đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 05 tháng 8 năm 2025, Cổng Thông tin điện tử Bộ đã có Công văn số 610/CĐSVHTTDL- CTTĐT thông báo sau 22 ngày đăng tải theo quy định, không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo Thông tư.

Đa số các ý kiến đều thống nhất cao về kết cấu và những nội dung chính của dự thảo Thông tư. Ngoài ra, còn có một số vấn đề có ý kiến góp ý, Cục Thể dục thể thao Việt Nam báo cáo bản so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch như sau:

Thông tư 06/2021/TT-BVHTTDL	Thông tư sửa đổi, bổ sung	Thuyết minh
Căn cứ khoản 3 Điều 42 Luật Thể dục, thể thao sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 2 Luật số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;	Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;	Cập nhật mới
Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,	Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính	Cập nhật mới

<i>quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;</i>	<i>phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</i>	
<i>Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao;</i>	<i>Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thể dục thể thao Việt Nam;</i>	Cập nhật mới
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Không điều chỉnh	
Điều 2. Đăng cấp vận động viên thể thao thành tích cao	Không điều chỉnh	
Điều 3. Tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao		
1. Tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao gồm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn chuyên môn.	Không điều chỉnh	
2. Tiêu chuẩn chung: a) Là công dân Việt Nam; b) Có tư cách đạo đức tốt; c) Không đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã được xóa án tích trong trường hợp bị kết tội theo bản án, quyết định của tòa án; d) Không trong thời gian thi hành kỷ luật của liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, cơ quan quản lý vận động viên.	Không điều chỉnh	
3. Tiêu chuẩn chuyên môn a) Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này b) Vận động viên tham dự một trong các đại hội thể thao: Đại hội Olympic (Olympic), Đại hội thể thao châu Á (Asiad), Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Đại hội Olympic trẻ (Olympic trẻ) được phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng”.	Điều chỉnh Phụ lục và tiêu chuẩn tại Thông tư Không điều chỉnh	- Thay đổi luật thi đấu quốc tế từng môn thể thao. - Các liên đoàn thể thao quốc tế thay đổi tên giải và tổ chức thêm giải theo cấp độ và nhóm tuổi. - Thực tế hiện nay các Liên đoàn quốc gia tổ chức thêm các giải đấu nhằm tăng cường công tác đào tạo và phục vụ nhân dân.

		- Chất lượng, thành tích vận động viên được nâng cao.
Điều 4. Tổ chức thực hiện Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.	Điều chỉnh: “Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này”	Quyết định số 619/QĐ-BVHTTDL ngày 11/3/2025
Điều 5. Hiệu lực thi hành 3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (qua Tổng cục Thể dục thể thao) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.	Điều chỉnh: “Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (qua cục Thể dục thể thao Việt Nam) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp”	Quyết định số 619/QĐ-BVHTTDL ngày 11/3/2025

Nội dung sửa đổi, bổ sung Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao từng môn thể thao

Tiêu chuẩn số 01. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bắn cung	Tiêu chuẩn số 01. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bắn cung	Không điều chỉnh
Tiêu chuẩn số 02. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bắn súng	Tiêu chuẩn số 02. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bắn súng Bổ sung nội dung cho nam, nữ: - 50m súng trường 3 tư thế (3x40 viên) - 50m súng trường 3 tư thế (3x20 viên) - Đĩa bay Compak Sporting	- Liên đoàn thể thao quốc tế bổ sung nội dung thi đấu mới tại các giải đấu quốc tế. - Bổ sung nội dung thi đấu mới tại các giải quốc gia
Tiêu chuẩn số 03. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Billiard & Snooker I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư một trong các nội dung: Pool nam, Carom, Snooker, English Billiard tại Giải vô địch Billiard & Snooker quốc gia hoặc Giải vô	Tiêu chuẩn số 03. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Billiard & Snooker I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư một trong các nội dung: Pool nam, Carom, Snooker, English Billiard tại Giải vô địch các CLB Billiard & Snooker quốc gia;	Sửa cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia hiện hành. Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia hiện hành.

địch Billiard & Snooker cúp quốc gia vòng 1; 3. Đạt thành tích tại Giải vô địch Billiard & Snooker quốc gia hoặc Giải vô địch Billiard & Snooker cúp quốc gia vòng chung kết:	3. Đạt thành tích tại Giải vô địch Billiard & Snooker quốc gia:	
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Mười sáu một trong các nội dung: Pool nam, Carom, Snooker, English Billiard tại Giải vô địch Billiard & Snooker quốc gia hoặc Giải vô địch Billiard & Snooker cúp quốc gia vòng 1; 2. Đạt thành tích tại Giải vô địch Billiard & Snooker quốc gia hoặc Giải vô địch Billiard & Snooker cúp quốc gia vòng chung kết: III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười bảy đến hạng Ba mươi hai một trong các nội dung: Pool nam, Carom, Snooker, English Billiard tại Giải vô địch Billiard & Snooker quốc gia hoặc Giải vô địch Billiard & Snooker cúp quốc gia vòng 1; 2. Đạt thành tích tại Giải vô địch Billiard & Snooker quốc gia hoặc Giải vô địch Billiard & Snooker cúp quốc gia:	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Mười sáu một trong các nội dung: Pool nam, Carom, Snooker, English Billiard tại Giải vô địch Billiard & Snooker quốc gia hoặc Giải vô địch các CLB Billiard & Snooker quốc gia; 2. Đạt thành tích tại Giải vô địch Billiard & Snooker quốc gia: “4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải Billiard & Snooker vô địch trẻ quốc gia;” III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười bảy đến hạng Ba mươi hai một trong các nội dung: Pool nam, Carom, Snooker, English Billiard tại Giải vô địch Billiard & Snooker quốc gia hoặc Giải vô địch các CLB Billiard & Snooker quốc gia; 2. Đạt thành tích tại Giải vô địch Billiard & Snooker quốc gia: 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại Giải Billiard & Snooker vô địch trẻ quốc gia; Bãi bỏ cụm từ “hoặc Giải vô địch Billiard & Snooker cúp quốc gia vòng chung kết” tại khoản 3 mục I; khoản 2 mục II; khoản 2 mục III	Sửa cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia hiện hành. Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia hiện hành. Bỏ sung giải trẻ trong hệ thống thi đấu quốc gia.

Tiêu chuẩn số 04. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bi sắt (Pétanque)	Tiêu chuẩn số 04. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bi sắt (Pétanque)	Không điều chỉnh
Tiêu chuẩn số 05. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bơi (Bể 50m)	Tiêu chuẩn số 05. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bơi (Bể 50m)	Không điều chỉnh
Tiêu chuẩn số 06. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng bàn I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 6. Tại Giải các đội mạnh Bóng bàn quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư nội dung đơn nam; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì một trong các nội dung: đơn nữ, đôi nam, đôi nam nữ; c) Xếp hạng Nhất nội dung Đôi nữ; d) Đồng đội nam: - Xếp hạng Nhất: được phong đẳng cấp 02 vận động viên; - Xếp hạng Nhì: được phong đẳng cấp 01 vận động viên; đ) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đồng đội nữ: được phong đẳng cấp 01 vận động viên.	Tiêu chuẩn số 06. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng bàn I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ khoản 6 mục I; khoản 6 mục II; khoản 3 mục III	Bãi bỏ cho phù hợp hệ thống thi đấu quốc gia.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 6. Tại Giải các đội mạnh Bóng bàn quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Mười sáu nội dung đơn nam; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Ba đến hạng Tám nội dung đơn nữ; c) Đồng đội nam:	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ khoản 6 mục II	Bãi bỏ cho phù hợp hệ thống thi đấu quốc gia.

- Xếp hạng Nhất: được phong đẳng cấp 01 vận động viên; - Xếp hạng Nhì: được phong đẳng cấp 02 vận động viên; - Xếp hạng Ba: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám: được phong đẳng cấp 1 vận động viên; d) Đồng đội nữ: - Xếp hạng Nhất: được phong đẳng cấp 01 vận động viên; - Xếp hạng Nhì: được phong đẳng cấp 01 vận động viên; - Xếp hạng Ba: được phong đẳng cấp 02 vận động viên;		
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Tại Giải các đội mạnh Bóng bàn quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười bảy đến hạng Ba mươi hai nội dung đơn nam; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Chín đến hạng Mười sáu nội dung đơn nữ; c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám nội dung đồng đội nam: được phong đẳng cấp 01 vận động viên; d) Xếp một trong các hạng, từ hạng Chín đến hạng Mười sáu nội dung đồng đội nữ: được phong đẳng cấp 01 vận động viên;	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ khoản 3 mục III	Bãi bỏ cho phù hợp hệ thống thi đấu quốc gia.
Tiêu chuẩn số 07. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng chuyên I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Đạt một trong các thành tích: a) Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch quốc gia Bóng chuyên trong nhà;	Tiêu chuẩn số 07. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng chuyên I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Đạt một trong các thành tích: a) Tại Đại hội thể thao toàn quốc môn Bóng chuyên trong nhà; b) Tại Giải vô địch quốc gia môn Bóng chuyên trong nhà;	Sửa đổi, tách giải Đại hội và vô địch nhằm phân biệt rõ các giải

b) Tại Giải hạng A Bóng chuyên quốc gia: Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì: được phong đẳng cấp 02 vận động viên; c) Tại Giải U23 Bóng chuyên quốc gia: - Xếp hạng Nhất: được phong đẳng cấp 04 vận động viên; - Xếp hạng Nhì: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; - Xếp hạng Ba: được phong đẳng cấp 02 vận động viên; - Xếp hạng Tư: được phong đẳng cấp 01 vận động viên;	- Xếp hạng Nhất: được phong đẳng cấp 08 vận động viên; - Xếp hạng Nhì: được phong đẳng cấp 07 vận động viên; - Xếp hạng Ba: được phong đẳng cấp 06 vận động viên; - Xếp hạng Tư: được phong đẳng cấp 05 vận động viên; - Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu: được phong đẳng cấp 04 vận động viên; - Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; - Xếp hạng Chín hoặc hạng Mười: được phong đẳng cấp 02 vận động viên; - Xếp hạng Nhất giải Hạng A: được phong đẳng cấp 02 vận động viên; Bãi bỏ điểm c khoản 3 mục I	Các môn thể thao không phong Kiên tướng cho lứa tuổi trẻ.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Đạt một trong các thành tích: a) Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch quốc gia Bóng chuyên trong nhà: b) Tại Giải Bóng chuyên hạng A: - Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì: được phong đẳng cấp 07 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Ba đến hạng Tám: được phong đẳng cấp 08 vận động viên; - Các đội được công nhận hạng A: được phong đẳng cấp 06 vận động viên; c) Tại Giải U23 Bóng chuyên quốc gia: - Xếp hạng Nhất: được phong đẳng cấp 08 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhì đến hạng Tám: được phong đẳng cấp 09 vận động viên;	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Đạt một trong các thành tích: a) Tại Giải vô địch quốc gia Bóng chuyên trong nhà: b) Giải vô địch quốc gia Bóng chuyên trong nhà: - Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì: được phong đẳng cấp 06 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Ba đến hạng Mười: được phong đẳng cấp 08 vận động viên; - Các đội được công nhận hạng A: được phong đẳng cấp 06 vận động viên;” Bãi bỏ điểm c, đ khoản 2 mục II	Sửa đổi tách giải Đại hội và vô địch nhằm phân biệt rõ các giải. Phù hợp với hệ thống giải đang triển khai.

đ) Tại Giải vô địch trẻ Bóng chuyền cúp câu lạc bộ: - Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba: được phong đẳng cấp 07 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Tám: được phong đẳng cấp 05 vận động viên;		
Tiêu chuẩn số 08. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng đá	Tiêu chuẩn số 08. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng đá	Không điều chỉnh
Tiêu chuẩn số 09. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng ném	Tiêu chuẩn số 09. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng ném	Không điều chỉnh
Tiêu chuẩn số 10. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng rổ I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Tại Giải Bóng rổ chuyên nghiệp Việt Nam: a) Nội dung thi đấu 5x5: - Xếp hạng Nhất: được phong đẳng cấp 08 vận động viên; - Xếp hạng Nhì: được phong đẳng cấp 06 vận động viên; - Xếp hạng Ba: được phong đẳng cấp 05 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu: được phong đẳng cấp 04 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Chín: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười đến hạng Mười hai: được phong đẳng cấp 02 vận động viên; b) Nội dung thi đấu 3x3: - Xếp hạng Nhất: được phong đẳng cấp 04 vận động viên;	Tiêu chuẩn số 10. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng rổ I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ khoản 4 mục I	Bãi bỏ do Thông tư không phong cấp vận động viên chuyên nghiệp.

- Xếp hạng Nhì: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; - Xếp hạng Ba: được phong đẳng cấp 02 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu: được phong đẳng cấp 01 vận động viên; 5. Tại Giải vô địch Bóng rổ U23 quốc gia:	5. Tại Giải vô địch Bóng rổ các câu lạc bộ quốc gia:	Sửa đổi phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Tại Giải Bóng rổ chuyên nghiệp Việt Nam: a) Nội dung thi đấu 5x5: - Xếp hạng Nhất: được phong đẳng cấp 04 vận động viên; - Xếp hạng Nhì: được phong đẳng cấp 06 vận động viên; - Xếp hạng Ba: được phong đẳng cấp 07 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu: được phong đẳng cấp 08 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Chín: được phong đẳng cấp 09 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười đến hạng Mười hai: được phong đẳng cấp 10 vận động viên; b) Nội dung thi đấu 3x3: - Xếp hạng Nhì: được phong đẳng cấp 01 vận động viên; - Xếp hạng Ba: được phong đẳng cấp 02 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Chín: được phong đẳng cấp 04 vận động viên; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười đến hạng Mười hai:	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ khoản 4 mục II 5. Tại Giải vô địch Bóng rổ các câu lạc bộ quốc gia:	Bãi bỏ do Thông tư không phong cấp vận động viên chuyên nghiệp. Sửa đổi cho phù hợp hệ thống giải quốc gia hiện hành.

được phong đẳng cấp 03 vận động viên; 5. Tại Giải vô địch Bóng rổ U23 quốc gia:		
Tiêu chuẩn số 11. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Boxing	Tiêu chuẩn số 11. chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Boxing	Không điều chỉnh
Tiêu chuẩn số 12. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bowling I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tham gia thi đấu tại một trong các giải: Giải vô địch Bowling thế giới, Giải vô địch Bowling châu Á, Giải vô địch Bowling Đông Nam Á, các giải quốc tế khác do Liên đoàn Bowling quốc tế tổ chức; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Giải vô địch Bowling quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải các đội mạnh Bowling quốc gia.	Tiêu chuẩn số 12. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bowling I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Mười lăm nội dung Master tại Giải vô địch Bowling thế giới, xếp từ hạng Nhất đến hạng Mười nội dung Master tại Giải vô địch trẻ Bowling thế giới, xếp từ hạng Nhất đến hạng Mười nội dung Master tại Giải vô địch Bowling châu Á, xếp từ hạng Nhất đến hạng Sáu nội dung Master tại Giải vô địch Bowling trẻ Châu Á U21; xếp từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung Master tại Giải vô địch Bowling Thanh thiếu niên trẻ Châu Á U18; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung Master tại các Giải: vô địch Bowling quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc, Các câu lạc bộ Bowling quốc gia.	Liên đoàn quốc tế thay đổi hệ thống tổ chức giải và thể thức tính thành tích, vì vậy Sửa đổi cho phù hợp với hệ thống quốc tế.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tham gia thi đấu tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Bowling thế giới, Giải vô địch trẻ Bowling châu Á, Giải vô địch trẻ Bowling Đông Nam Á, các giải trẻ quốc tế khác do Liên đoàn Bowling quốc tế tổ chức;	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười một đến hạng Mười sáu nội dung Master tại Giải vô địch trẻ Bowling thế giới, xếp từ hạng Bảy đến hạng Mười một nội dung Master tại Giải vô địch Bowling trẻ Châu Á U21; Xếp hạng từ hạng bốn đến hạng sáu	Sửa cho phù hợp với hệ thống tính điểm quốc tế.

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại một trong các giải: Giải vô địch Bowling quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải các đội mạnh Bowling quốc gia; 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại Giải vô địch trẻ Bowling quốc gia.	giải Vô địch Bowling Thanh thiếu niên trẻ Châu Á U18; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bốn đến hạng Mười nội dung Master tại các Giải: vô địch Bowling quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc, Các câu lạc bộ Bowling quốc gia; 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung Master tại các Giải vô địch trẻ Bowling quốc gia.	
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Mười tại một trong các giải: Giải vô địch Bowling quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải các đội mạnh Bowling quốc gia; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại Giải vô địch trẻ Bowling quốc gia.	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười đến hạng Mười lăm nội dung Master tại các Giải: vô địch Bowling quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc, Các câu lạc bộ mạnh Bowling quốc gia; Bãi bỏ khoản 2 mục III	Sửa cho phù hợp với hệ thống tính điểm quốc tế Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống giải quốc gia.
Tiêu chuẩn số 13. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Canoeing I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tham gia thi đấu tại một trong các giải: Đại hội thể thao bãi biển thế giới, Giải vô địch Canoeing thế giới, Giải vô địch trẻ Canoeing thế giới, Giải cúp Canoeing thế giới, Giải vô địch Canoeing châu Á, Giải vô địch trẻ Canoeing châu Á, Giải cúp Canoeing châu Á, Giải vô địch Canoeing Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Canoeing Đông Nam Á; 2. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Canoeing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đơn;	Tiêu chuẩn số 13. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Canoeing I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tham gia thi đấu tại một trong các giải: Đại hội thể thao bãi biển thế giới, Giải vô địch Canoeing thế giới, Giải vô địch trẻ Canoeing thế giới, Giải cúp Canoeing thế giới, Giải vô địch Canoeing châu Á, Giải vô địch trẻ Canoeing châu Á, Giải cúp Canoeing châu Á, Giải vô địch Canoeing Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Canoeing Đông Nam Á; 2. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Canoeing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đơn;	

b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic.	b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic. d) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp.	Bổ sung nội dung do Liên đoàn quốc tế bổ sung nội dung thi đấu.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Canoeing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đơn; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Ba đến hạng Năm nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; 2. Tại Giải vô địch trẻ Canoeing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba thuyền đơn; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn.	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Canoeing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đơn; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Ba đến hạng Năm nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp. 2. Tại Giải vô địch trẻ Canoeing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi, thuyền bốn, thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp; c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp. 3. Tại Giải vô địch U21 và vô địch U23 Canoeing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Năm nội	Bổ sung theo nội dung của liên đoàn quốc tế Bổ sung cho phù hợp giải trong hệ thống quốc gia

	dung thuyền đơn thuộc nhóm Olympic; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đơn không thuộc nhóm Olympic; c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đôi, thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi, thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; đ) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp.	
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Canoeing quốc gia: a) Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp hạng Sáu hoặc hạng Bảy nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; 2. Tại Giải vô địch trẻ Canoeing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn.	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Canoeing quốc gia: a) Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp hạng Sáu hoặc hạng Bảy nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp. 2. Tại Giải vô địch trẻ Canoeing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi, thuyền bốn, thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp. c) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp.	Bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia

	3. Tại Giải vô địch U21 và vô địch U23 Canoeing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Tám nội dung thuyền đơn thuộc nhóm Olympic; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đơn không thuộc nhóm Olympic; c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đôi, thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Ba nội dung thuyền đôi, thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; đ) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp.”	
Tiêu chuẩn số 14. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cầu lông I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Tại Giải vô địch Cầu lông các cây vợt xuất sắc quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư nội dung đơn nam hoặc đơn nữ; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì một trong các nội dung: đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.	Tiêu chuẩn số 14. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cầu lông I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Tại Giải vô địch Cầu lông các câu lạc bộ quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư nội dung đơn nam hoặc đơn nữ; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì một trong các nội dung: đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Tại Giải vô địch Cầu lông các cây vợt xuất sắc quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám nội dung đơn nam hoặc đơn nữ;	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Tại Giải vô địch Cầu lông các câu lạc bộ quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám nội dung đơn nam hoặc đơn nữ;	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.

b) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư một trong các nội dung: đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;	b) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư một trong các nội dung: đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;	
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám một trong các nội dung: đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ tại Giải vô địch Cầu lông các cây vợt xuất sắc quốc gia;	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám một trong các nội dung: đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ tại Giải vô địch Cầu lông các cây vợt xuất sắc quốc gia;	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia
Tiêu chuẩn số 15. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cầu mây I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Cầu mây quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Cầu mây xuất sắc, Giải vô địch các đội tuyển Cầu mây xuất sắc;	Tiêu chuẩn số 15. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cầu mây I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Cầu mây quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Cầu mây xuất sắc;	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Cầu mây quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Cầu mây xuất sắc, Giải vô địch các đội tuyển Cầu mây xuất sắc; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại Giải vô địch trẻ Cầu mây quốc gia hoặc Giải vô địch đội tuyển Cầu mây trẻ xuất sắc;	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Cầu mây quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Cầu mây quốc gia; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại Giải vô địch trẻ Cầu mây quốc gia;	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia. Bãi bỏ cụm từ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên	

cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tham gia thi đấu tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Cầu mây quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Cầu mây xuất sắc, Giải vô địch các đội tuyển Cầu mây xuất sắc; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại Giải vô địch trẻ Cầu mây quốc gia hoặc Giải vô địch đội tuyển Cầu mây trẻ xuất sắc:	cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Cầu mây quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Cầu mây quốc gia; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại Giải vô địch trẻ Cầu mây quốc gia:	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia. Bãi bỏ cụm từ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
Tiêu chuẩn số 16. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cờ tướng I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 6. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư nội dung Cờ tiêu chuẩn tại Giải vô địch các đấu thủ mạnh Cờ tướng quốc gia.	Tiêu chuẩn số 16. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cờ tướng I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 6. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư nội dung Cờ tiêu chuẩn tại Giải vô địch các câu lạc bộ Cờ tướng quốc gia.	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Tại Giải vô địch Cờ tướng các đấu thủ mạnh quốc gia:	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Tại Giải vô địch các câu lạc bộ Cờ tướng quốc gia:	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
Tiêu chuẩn số 17. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cờ vây	Tiêu chuẩn số 17. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cờ vây	Không điều chỉnh
Tiêu chuẩn số 18. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cờ vua I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Đạt một trong các thành tích: c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Sáu tại Giải vô địch Cờ vua xuất sắc quốc gia;	Tiêu chuẩn số 18. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cờ vua I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Đạt một trong các thành tích: c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Sáu tại Giải vô địch các câu lạc bộ Cờ vua;	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Mười hai tại Giải vô địch Cờ vua xuất sắc quốc gia; 5. Tại Giải vô địch Cờ vua trẻ xuất sắc quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Sáu nội dung cá nhân dành cho một trong các nhóm tuổi: nhóm 13 tuổi, nhóm 15 tuổi, nhóm 17 tuổi, nhóm 20 tuổi; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung cá nhân dành cho các nhóm tuổi: nhóm 9 tuổi, nhóm 10 tuổi, nhóm 11 tuổi.	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Mười hai tại Giải vô địch các câu lạc bộ Cờ vua quốc gia; Bãi bỏ khoản 5 Mục II	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia. Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười ba đến hạng Hai mươi tại Giải vô địch Cờ vua xuất sắc quốc gia; 5. Tại Giải vô địch Cờ vua trẻ xuất sắc quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Mười nội dung cá nhân dành cho một trong các nhóm tuổi: nhóm 13 tuổi, nhóm 15 tuổi, nhóm 17 tuổi, nhóm 20 tuổi; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Tám nội dung cá nhân dành cho các nhóm tuổi: nhóm 9 tuổi, nhóm 10 tuổi, nhóm 11 tuổi.	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười ba đến hạng Hai mươi tại Giải vô địch các câu lạc bộ Cờ vua quốc gia; Bãi bỏ khoản 5 mục III	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia. Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
Tiêu chuẩn số 19. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cờ tá (Bảng thành tích)	Tiêu chuẩn số 19. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cờ tá I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:	Sửa đổi đảm bảo tính ổn định do Liên đoàn quốc tế thường

	1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Năm tổng thành tích một trong các giải: Giải vô địch thế giới, giải Cup thế giới, giải vô địch Châu Á. 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Mười tổng thành tích, trong đó phải đạt huy chương tại phần thi Cử giật hoặc Cử đẩy một trong các giải: Giải vô địch thế giới, giải Cúp thế giới, giải vô địch Châu Á. 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tổng thành tích một trong các giải: Giải vô địch trẻ thế giới, vô địch trẻ Châu Á. 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tổng thành tích tại giải vô địch Đông Nam Á. 5. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tổng thành tích một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia; giải vô địch câu lạc bộ quốc gia. 6. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Tám tổng thành tích, trong đó phải đạt huy chương tại phần thi Cử giật hoặc Cử đẩy một trong các giải: Đại hội Thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia, giải vô địch câu lạc bộ quốc gia. II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Mười tổng thành tích tại giải: Giải vô địch thế giới; giải Cúp thế giới; giải vô địch châu Á; 2. Xếp một trong các hạng từ hạng Tư đến hạng Mười tổng thành tích một trong các giải: Giải vô địch trẻ thế giới; vô địch trẻ Châu Á.	xuyên thay đổi hạng cân thi đấu.
--	--	---

	3. Xếp hạng Hai hoặc hạng Ba tổng thành tích tại giải vô địch Đông Nam Á. 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Tám tổng thành tích một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc; giải vô địch quốc gia; giải vô địch Câu lạc bộ quốc gia. 5. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Năm tổng thành tích giải Vô địch trẻ quốc gia, trong đó phải đạt được huy chương tại phân thi Cử giật hoặc Cử đẩy hoặc tổng thành tích. III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp hạng Chín và hạng Mười tổng thành tích một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc; Giải vô địch quốc gia; Vô địch Câu lạc bộ quốc gia. 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Tám tổng thành tích tại giải: Vô địch trẻ quốc gia.”	
Tiêu chuẩn số 20. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Đá cầu I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba một trong các giải: Giải vô địch Đá cầu thế giới, Giải vô địch Đá cầu châu Á, Giải vô địch Đá cầu Đông Nam Á, các giải quốc tế khác do Liên đoàn Đá cầu thế giới tổ chức; 2. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Đá cầu quốc gia: a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì một trong các nội dung: đơn	Tiêu chuẩn số 20. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Đá cầu I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba một trong các giải: Giải vô địch Đá cầu thế giới, Giải vô địch Đá cầu châu Á, Giải vô địch Đá cầu Đông Nam Á, Giải Cúp thế giới, Giải Cúp châu Á; 2. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Đá cầu quốc gia: a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì một trong các nội dung: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đồng đội: được phong đẳng cấp 06 vận động viên; 3. Tại Giải các đội mạnh Đá cầu quốc gia hoặc Giải câu lạc bộ Đá cầu quốc gia: a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì một trong các nội dung: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển: được phong đẳng cấp 03 vận động viên.	b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đồng đội: được phong đẳng cấp 06 vận động viên; d) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển 4: được phong đẳng cấp 04 vận động viên; 3. Tại Giải câu lạc bộ Đá cầu quốc gia: a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì một trong các nội dung: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển: được phong đẳng cấp 03 vận động viên. c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển 4: được phong đẳng cấp 04 vận động viên; 4. Tại Giải vô địch Đá cầu bãi biển quốc gia: a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì một trong các nội dung: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển: được phong đẳng cấp 03 vận động viên. c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển 4: được phong đẳng cấp 04 vận động viên. d) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đồng đội: được phong đẳng cấp 06 vận động viên.” đ) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 mục II như sau: “d) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung đội tuyển 4: được phong đẳng cấp 04 vận động viên;	Bổ sung cho phù hợp với nội dung thi đấu đã được bổ sung trong hệ thống thi đấu quốc gia. Bổ sung cho phù hợp với nội dung thi đấu đã được bổ sung trong hệ thống thi đấu quốc gia.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:	Bãi bỏ cụm từ cho phù hợp với hệ

2. Tại Giải vô địch các đội mạnh Đá cầu quốc gia hoặc Giải các câu lạc bộ Đá cầu quốc gia: 3. Tại Giải vô địch trẻ Đá cầu quốc gia dành cho lứa tuổi từ 16 trở lên: a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì một trong các nội dung: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đồng đội: được phong đẳng cấp 06 vận động viên.	2. Tại Giải các câu lạc bộ Đá cầu quốc gia: 3. Tại Giải vô địch trẻ Đá cầu quốc gia dành cho lứa tuổi từ 16 trở lên: a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì một trong các nội dung: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đồng đội: được phong đẳng cấp 06 vận động viên. d) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung đội tuyển 4: được phong đẳng cấp 04 vận động viên;” 4. Tại Giải vô địch Đá cầu bãi biển quốc gia: a) Xếp hạng Ba một trong các nội dung: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung đội tuyển: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung đội tuyển 4: được phong đẳng cấp 04 vận động viên; d) Nội dung đồng đội: - Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì: được phong đẳng cấp 03 vận động viên; - Xếp hạng Ba: được phong đẳng cấp 06 vận động viên;	thống thi đấu quốc gia. Bổ sung cho phù hợp với nội dung thi đấu đã được bổ sung trong hệ thống thi đấu quốc gia.
Tiêu chuẩn số 21. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Đấu kiếm I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:	Tiêu chuẩn số 21. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Đấu kiếm I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ

5. Tại Giải vô địch U23 Đấu kiếm quốc gia: a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung cá nhân; b) Xếp hạng Nhất nội dung đồng đội hoặc nội dung hỗn hợp.	5. Tại Giải vô địch Đấu kiếm các Câu lạc bộ quốc gia:” a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung cá nhân; b) Xếp hạng Nhất nội dung đồng đội hoặc nội dung hỗn hợp.	thống thi đấu quốc gia.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Tại Giải vô địch U23 Đấu kiếm quốc gia: a) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung cá nhân; b) Xếp hạng Nhì nội dung đồng đội hoặc nội dung hỗn hợp;	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Tại Giải vô địch Đấu kiếm các Câu lạc bộ quốc gia: a) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung cá nhân; b) Xếp hạng Nhì nội dung đồng đội hoặc nội dung hỗn hợp;	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư đồng đội hoặc nội dung hỗn hợp tại Giải vô địch U23 Đấu kiếm quốc gia;	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư đồng đội hoặc nội dung hỗn hợp tại Giải vô địch Đấu kiếm các câu lạc bộ quốc gia;	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
Tiêu chuẩn số 22. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Điền kinh II. Tại các giải ngoài đường được Liên đoàn Điền kinh Việt Nam chứng nhận đủ tiêu chuẩn: III. Tại các giải trong điều kiện tự nhiên được Liên đoàn Điền kinh Việt Nam chứng nhận đủ tiêu chuẩn:	Tiêu chuẩn số 22. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Điền kinh II. Tại các giải ngoài đường: giải vô địch quốc gia, giải vô địch trẻ quốc gia III. Tại các giải ngoài đường: giải vô địch quốc gia, giải vô địch trẻ quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
Tiêu chuẩn số 23. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Golf I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Giải vô địch Golf thế giới, Giải vô địch trẻ Golf thế giới, Giải vô địch Golf châu Á, Giải vô địch trẻ Golf châu Á, Giải vô địch Golf Đông Nam Á,	Tiêu chuẩn số 23. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Golf I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Giải vô địch Golf thế giới, Giải vô địch Golf châu Á Thái Bình Dương, Giải vô địch Golf Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Golf Đông Nam Á;	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế

Giải vô địch trẻ Golf Đông Nam Á, các giải quốc tế khác do Liên đoàn Golf thế giới tổ chức; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Golf quốc gia, Giải Golf chuyên nghiệp trong hệ thống quốc gia.	2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Golf quốc gia.	
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại một trong các giải: Giải vô địch Golf thế giới, Giải vô địch trẻ Golf thế giới, Giải vô địch Golf châu Á, Giải vô địch trẻ Golf châu Á, Giải vô địch Golf Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Golf Đông Nam Á, các giải quốc tế khác do Liên đoàn Golf thế giới tổ chức; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Golf quốc gia, Giải Golf chuyên nghiệp trong hệ thống quốc gia; 3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch trẻ Golf quốc gia.	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại một trong các giải: Giải vô địch Golf thế giới, Giải vô địch Golf châu Á Thái Bình Dương, Giải vô địch Golf Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Golf Đông Nam Á; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Golf quốc gia; 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Năm tại Giải vô địch trẻ Golf quốc gia.”	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Mười tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Golf quốc gia, Giải Golf chuyên nghiệp trong hệ thống quốc gia; 2. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Golf quốc gia.	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Mười tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Golf quốc gia; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Mười tại Giải vô địch trẻ Golf quốc gia; 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Mười tại một trong các giải: Giải vô địch Golf thế giới, Giải vô địch Golf châu Á Thái Bình Dương, Giải vô	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

	địch Golf Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Golf Đông Nam Á.”	
Tiêu chuẩn số 24. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Judo I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Giải vô địch Judo Đông Nam Á, Đại hội thể thao trong nhà và Võ thuật châu Á, Đại hội thể thao bãi biển thế giới, Đại hội thể thao bãi biển châu Á, Giải vô địch trẻ Judo thế giới, Giải vô địch trẻ Judo châu Á, Đại hội thể thao trẻ em châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Judo quốc gia, Giải vận động viên xuất sắc Judo quốc gia;	Tiêu chuẩn số 24. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Judo I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Judo quốc gia”	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Bảy tại một trong các giải: Giải vận động viên xuất sắc Judo quốc gia, Giải vô địch Judo quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc;	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Judo quốc gia”	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Xếp hạng Chín tại một trong các giải: Giải vận động viên xuất sắc Judo quốc gia, Giải vô địch Judo quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc.	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Judo quốc gia”	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
Tiêu chuẩn số 25. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Jujitsu	Tiêu chuẩn số 25. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Jujitsu	

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch trẻ Jujitsu quốc gia dành cho lứa tuổi từ 16 đến 19 tuổi.	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch trẻ Jujitsu quốc gia dành cho lứa tuổi từ 16 đến 20 tuổi. b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục III như sau: “3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Jujitsu quốc gia dành cho lứa tuổi từ 16 đến 20 tuổi.”	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với lứa tuổi trong hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Jujitsu quốc gia dành cho lứa tuổi từ 16 đến 19 tuổi	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Jujitsu quốc gia dành cho lứa tuổi từ 16 đến 20 tuổi	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với lứa tuổi trong hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
Tiêu chuẩn số 26. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Karate I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại một trong các giải: Đại hội thể thao trẻ thế giới, Đại hội thể thao trẻ châu Á, các giải thi đấu trong hệ thống do Liên đoàn Karate thế giới tổ chức, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Karate quốc gia; 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch các câu lạc bộ mạnh Karate quốc gia dành cho lứa tuổi trên 18.	Tiêu chuẩn số 26. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Karate I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ cụm từ “Đại hội thể thao trẻ thế giới” Bãi bỏ từ “mạnh”	Đã được quy định tại Điều 3 Thông tư 06. Đảm bảo thống nhất tên gọi trong hệ thống thi đấu quốc gia.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Tại Giải vô địch các câu lạc bộ mạnh Karate quốc gia:	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ từ “mạnh”	Đảm bảo thống nhất tên gọi trong hệ thống thi đấu quốc gia.

III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Tại Giải vô địch các câu lạc bộ mạnh Karate quốc gia; 3. Tại Giải vô địch trẻ Karate quốc gia: b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Chín đến hạng Mười sáu dành cho lứa tuổi từ 18 đến 22 tuổi;	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ từ “mạnh” 3. Tại Giải vô địch trẻ Karate quốc gia: b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Mười sáu dành cho lứa tuổi từ 18 đến 22 tuổi;	Đảm bảo thống nhất tên gọi trong hệ thống thi đấu quốc gia. Điều chỉnh do Thông tư 06 thiếu
Tiêu chuẩn số 27. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Kickboxing	Tiêu chuẩn số 27. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Kickboxing	Giữ nguyên
Tiêu chuẩn số 28. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Khiêu vũ thể thao I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung 05 điệu tổng hợp tại một trong các giải: Đại hội thể thao trẻ thế giới, Đại hội thể thao trẻ châu Á, Giải vô địch Khiêu vũ thể thao Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Khiêu vũ thể thao thế giới, Giải vô địch trẻ Khiêu vũ thể thao châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Khiêu vũ thể thao quốc gia; 3. Xếp hạng Nhất nội dung điệu đơn tại một trong các giải: Đại hội thể thao trẻ thế giới, Đại hội thể thao trẻ châu Á, Giải vô địch Khiêu vũ thể thao Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Khiêu vũ thể thao thế giới, Giải vô địch trẻ Khiêu vũ thể thao châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Khiêu vũ thể thao quốc gia.	Tiêu chuẩn số 28. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Khiêu vũ thể thao I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ cụm từ “Đại hội thể thao trẻ thế giới” Bãi bỏ cụm từ “Đại hội thể thao trẻ thế giới”	Đã được quy định tại Điều 3 Thông tư 06. Đã được quy định tại Điều 3 Thông tư 06.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên	

cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Tám nội dung 05 điều tổng hợp tại một trong các giải: Đại hội thể thao trẻ thế giới, Đại hội thể thao trẻ châu Á, Giải vô địch Khiêu vũ thể thao Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Khiêu vũ thể thao thế giới, Giải vô địch trẻ Khiêu vũ thể thao châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Khiêu vũ thể thao quốc gia; 3. Xếp hạng Nhì hoặc hạng Ba nội dung 01 điều đơn tại một trong các giải: Đại hội thể thao trẻ thế giới, Đại hội thể thao trẻ châu Á, Giải vô địch Khiêu vũ thể thao Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Khiêu vũ thể thao thế giới, Giải vô địch trẻ Khiêu vũ thể thao châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Khiêu vũ thể thao quốc gia;	cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ cụm từ “Đại hội thể thao trẻ thế giới“ Bãi bỏ cụm từ “Đại hội thể thao trẻ thế giới“	Đã được quy định tại Điều 3 Thông tư 06. Đã được quy định tại Điều 3 Thông tư 06.
Tiêu chuẩn số 29. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Kurash I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội thể thao trong nhà và Võ thuật châu Á, Đại hội thể thao bãi biển thế giới, Đại hội thể thao bãi biển châu Á, Giải vô địch trẻ Kurash thế giới, Giải vô địch trẻ Kurash châu Á, Đại hội thể thao trẻ em châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Kurash quốc gia, Giải vận động viên xuất sắc Kurash quốc gia; 3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch các câu lạc bộ Kurash quốc gia.	Tiêu chuẩn số 29. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Kurash I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Kurash quốc gia“ 3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch các câu lạc bộ Kurash quốc gia, Giải vô địch bãi biển quốc gia.	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia. Bổ sung cho phù hợp với nội dung hệ thống thi đấu quốc gia.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Bảy tại một trong các giải: Giải vận động viên xuất sắc Kurash quốc gia, Giải vô địch Kurash quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc; 3. Xếp hạng Ba tại Giải vô địch các câu lạc bộ Kurash quốc gia;	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Bảy tại một trong các giải: Giải vô địch Kurash quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc; Giải vô địch bãi biển thế giới, Giải vô địch bãi biển Châu Á, Giải vô địch bãi biển Đông Nam Á; 3. Xếp hạng Ba tại Giải vô địch các câu lạc bộ Kurash quốc gia, Giải vô địch bãi biển quốc gia;	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với lứa tuổi trong hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Xếp hạng Chín một trong các giải: Giải vận động viên xuất sắc Kurash quốc gia, Giải vô địch Kurash quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc.	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Kurash quốc gia”	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.
Tiêu chuẩn số 30. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Lặn (Bể 50m) (Bảng chi tiết đính kèm)	Tiêu chuẩn số 30. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Lặn (Điều chỉnh thông số thành tích theo hướng nâng cao nhằm đảm bảo phù hợp với thành tích vận động viên và tôn vinh vận động viên)	
Tiêu chuẩn số 31: Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Lặn tự do	Tiêu chuẩn số 31: Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Lặn tự do	Không điều chỉnh
Tiêu chuẩn số 32: Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Muay: II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Muay Đông Nam Á dành cho lứa tuổi từ 15 đến 17 tuổi hoặc Giải vận động viên	Tiêu chuẩn số 32. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Muay: II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: “1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Muay Đông Nam Á hoặc Giải vô địch các câu lạc bộ Muay quốc gia;”	Sửa cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế

xuất sắc Muay dành cho lứa tuổi dưới 17;		
Tiêu chuẩn số 33. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Pencak Silat: II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Pencak Silat Đông Nam Á dành cho lứa tuổi từ 15 đến 17 tuổi hoặc Giải vận động viên xuất sắc Pencak Silat dành cho lứa tuổi dưới 17;	Tiêu chuẩn số 33. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Pencak Silat II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: “1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Pencak Silat Đông Nam Á hoặc Giải vô địch các câu lạc bộ Pencak Silat quốc gia;”	Sửa cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế
Tiêu chuẩn số 34. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Quyền vọt I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Đạt một trong các thành tích: a) Tại Giải vô địch Quyền vọt Đông Nam Á: - Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tám nội dung đơn nam hoặc đơn nữ; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư nội dung đôi; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch Quyền vọt quốc gia hoặc Đại hội thể thao toàn quốc.	Tiêu chuẩn số 34. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Quyền vọt I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 3 mục I như sau: “c) Giải vô địch đồng đội quốc gia: - Xếp hạng Nhất: được phong 03 vận động viên; - Xếp hạng Nhì: được phong 02 vận động viên; - Xếp hạng Ba: được phong 01 vận động viên.”	Bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Đạt một trong các thành tích: c) Tại Giải vô địch thanh thiếu niên Quyền vọt quốc gia: - Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tám nội dung đơn nam nhóm từ 18 tuổi trở xuống; - Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư nội dung	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Đạt một trong các thành tích: “c) Tại Giải Quyền vọt vô địch trẻ quốc gia”	Sửa đổi cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.

đơn nữ nhóm từ 18 tuổi trở xuống hoặc đơn nam nhóm từ 16 tuổi trở xuống; - Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đơn nữ nhóm từ 16 tuổi trở xuống.		
Tiêu chuẩn số 35. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Rowing I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Rowing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đơn; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Nhất nội dung máy đơn. III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Rowing quốc gia: a) Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp hạng Sáu hoặc hạng Bảy nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Tư hoặc hạng Năm nội dung máy đơn; đ) Xếp hạng Ba nội dung máy đôi hoặc máy bốn; 2. Tại Giải vô địch Rowing trẻ quốc gia:	Tiêu chuẩn số 35. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Rowing I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Rowing quốc gia: “đ) Xếp từ hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp; e) Xếp hạng Nhất nội dung thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp.” e) Bổ sung điểm e, f, g vào sau điểm đ khoản 1 mục III như sau: “e) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp; f) Xếp hạng Ba nội dung thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp; g) Xếp hạng Nhì hoặc hạng Ba nội dung máy hỗn hợp.” f) Bổ sung điểm c, d vào sau điểm b khoản 2 mục III như sau: “c) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp; d) Xếp hạng Nhì nội dung thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp.”	Bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn.	g) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 mục III như sau: “3. Tại giải vô địch U23 Rowing quốc gia: a) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đôi, thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp hạng Ba nội dung thuyền đôi, thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Ba nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp, thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp.”	
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Rowing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đơn; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Ba đến hạng Năm nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Nhì hoặc hạng Ba nội dung máy đơn; đ) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung máy đôi hoặc máy bốn; 2. Tại Giải vô địch Rowing trẻ quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba thuyền đơn; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn.	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Rowing quốc gia: e) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp; f) Xếp hạng Nhì nội dung thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp;g) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung máy hỗn hợp. 2. Tại Giải vô địch Rowing trẻ quốc gia: c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp; d) Xếp hạng Nhất nội dung thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp. 3. Tại giải vô địch U23 Rowing quốc gia: a) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đơn;	Bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế. Bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

	b) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi, thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp hạng Nhì nội dung thuyền đôi, thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp, thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp.	
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Rowing quốc gia: a) Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp hạng Sáu hoặc hạng Bảy nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Tư hoặc hạng Năm nội dung máy đơn; đ) Xếp hạng Ba nội dung máy đôi hoặc máy bốn; 2. Tại Giải vô địch Rowing trẻ quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn.	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Rowing quốc gia: e) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp; f) Xếp hạng Ba nội dung thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp; g) Xếp hạng Nhì hoặc hạng Ba nội dung máy hỗn hợp. 2. Tại Giải vô địch Rowing trẻ quốc gia: c) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp; d) Xếp hạng Nhì nội dung thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp. 3. Tại giải vô địch U23 Rowing quốc gia: a) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đôi, thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp hạng Ba nội dung thuyền đôi, thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Ba nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp, thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp.” a) Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám nội dung thuyền đơn;	Bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế. Bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

	b) Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn thuộc nhóm Olympic; c) Xếp hạng Sáu hoặc hạng Bảy nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic; d) Xếp hạng Tư hoặc hạng Năm nội dung máy đơn; đ) Xếp hạng Ba nội dung máy đôi hoặc máy bốn;	
Tiêu chuẩn số 36. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Sailing I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Sailing quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn.	Tiêu chuẩn số 36. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Sailing I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Sailing quốc gia: a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đơn, thuyền đôi; b) Xếp hạng Nhất nội dung thuyền bốn, thuyền tám, thuyền tập thể.	Sửa cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Sailing quốc gia: a) Xếp hạng Tư hoặc hạng Năm nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn; 2. Tại Giải vô địch Sailing trẻ quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn.	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Sailing quốc gia: a) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đơn, thuyền đôi; b) Xếp hạng Nhì nội dung thuyền bốn, thuyền tám, thuyền tập thể.” 2. Tại Giải vô địch Sailing trẻ quốc gia: a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đơn, thuyền đôi; b) Xếp hạng Nhất nội dung thuyền bốn, thuyền tám, thuyền tập thể.	Sửa cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế

III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Sailing quốc gia: a) Xếp hạng Sáu hoặc hạng Bảy nội dung thuyền đơn; b) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đôi hoặc thuyền bốn; 2. Tại Giải vô địch Sailing trẻ quốc gia: a) Xếp hạng Tư hoặc hạng Năm nội dung thuyền đơn;	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Sailing quốc gia: a) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đơn, thuyền đôi; b) Xếp hạng Ba nội dung thuyền bốn, thuyền tám, thuyền tập thể. 2. Tại Giải vô địch Sailing trẻ quốc gia: a) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đơn, thuyền đôi; b) Xếp hạng Nhì nội dung thuyền bốn, thuyền tám, thuyền tập thể.	Sửa cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế
Tiêu chuẩn số 37. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Sambo I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại một trong các giải: Giải vô địch Sambo Đông Nam Á dành cho lứa tuổi từ trên 17, Đại hội thể thao trong nhà và Võ thuật châu Á, Đại hội thể thao bãi biển thế giới, Giải vô địch trẻ Sambo thế giới, Giải vô địch trẻ Sambo châu Á, Đại hội thể thao trẻ em châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Sambo quốc gia, Giải vận động viên xuất sắc Sambo dành cho lứa tuổi trên 17; II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:	Tiêu chuẩn số 37. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Sambo Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Sambo giành cho lứa tuổi trên 17” tại khoản 2 mục I	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế
Tiêu chuẩn 38. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Taekwondo I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:	Tiêu chuẩn 38. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Taekwondo Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Taekwondo giành cho lứa tuổi dưới 17” tại khoản 2 mục I;	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế

tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại một trong các giải: Giải vô địch Taekwondo Đông Nam Á dành cho lứa tuổi trên 17, Đại hội thể thao trong nhà và Võ thuật châu Á, Đại hội thể thao bãi biển thế giới, Giải vô địch trẻ Taekwondo thế giới, Giải vô địch trẻ Taekwondo châu Á, Đại hội thể thao trẻ châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Taekwondo quốc gia, Giải vận động viên xuất sắc Taekwondo dành cho lứa tuổi trên 17; II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Taekwondo Đông Nam Á dành cho lứa tuổi từ 15 đến 17 tuổi hoặc Giải vận động viên xuất sắc Taekwondo dành cho lứa tuổi dưới 17; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại một trong các giải vận động viên xuất sắc Taekwondo dành cho lứa tuổi trên 17, Giải vô địch Taekwondo quốc gia hoặc Đại hội thể thao toàn quốc; III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu tại Giải vận động viên xuất sắc Taekwondo dành cho lứa tuổi dưới 17 hoặc Giải vô địch các câu lạc bộ Taekwondo quốc gia dành cho lứa tuổi trên 17; 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Chín đến hạng Mười sáu tại Giải vận động viên xuất sắc Taekwondo dành cho lứa tuổi trên 17, Giải vô địch Taekwondo	khoản 1, khoản 2 mục II; khoản 2, khoản 4 mục III	
---	--	--

quốc gia hoặc Đại hội thể thao toàn quốc.		
Tiêu chuẩn số 39. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục Aerobic I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tám tại một trong các giải: Đại hội thể thao trong nhà và Võ thuật châu Á, Đại hội thể thao bãi biển, Đại hội thể thao thế giới, Giải vô địch Thể dục Aerobic thế giới, Giải vô địch trẻ Thể dục Aerobic thế giới, Giải cúp Thể dục Aerobic thế giới, Giải vô địch Thể dục Aerobic châu Á, Đại hội thể thao trẻ thế giới, Đại hội thể thao trẻ châu Á, Giải vô địch trẻ Thể dục Aerobic châu Á, Giải cúp Thể dục Aerobic châu Á, Giải vô địch Thể dục Aerobic Đông Nam Á, Giải quốc tế trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thế giới; 5. Đạt 18 điểm trở lên của nội dung thi tại một trong các giải: Đại hội Thể thao toàn quốc, Giải vô địch Thể dục Aerobic quốc gia, Giải vô địch trẻ Thể dục Aerobic quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Thể dục Aerobic quốc gia. II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Chín đến hạng Mười sáu tại một trong các giải: Đại hội thể thao trong nhà và Võ thuật châu Á, Đại hội thể thao Đại hội thể thao bãi biển, Đại hội thể thao thế giới, Giải vô địch Thể dục Aerobic thế giới, Giải vô địch trẻ Thể dục Aerobic thế giới, Giải	Tiêu chuẩn số 39. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục Aerobic Bãi bỏ cụm từ “Giải quốc tế trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thế giới” tại khoản 1 mục I; Bãi bỏ cụm từ “Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thế giới” tại khoản 1 mục II; Bãi bỏ khoản 5 mục I; khoản 6 mục II; khoản 1 mục III; điểm e, f, g khoản 3 mục III; điểm e, f, g khoản 4 mục III	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế

cúp Thể dục Aerobic thế giới, Giải vô địch Thể dục Aerobic châu Á, Giải vô địch trẻ Thể dục Aerobic châu Á, Giải cúp Thể dục Aerobic châu Á, Giải vô địch Thể dục Aerobic Đông Nam Á, Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thể giới; 6. Đạt từ 16 điểm đến dưới 18 điểm của nội dung thi tại một trong các giải Đại hội Thể thao toàn quốc, Giải vô địch Thể dục Aerobic quốc gia, Giải vô địch trẻ Thể dục Aerobic quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Thể dục Aerobic quốc gia. III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Đạt từ 15 điểm đến dưới 16 điểm của nội dung thi tại một trong các giải: Đại hội Thể thao toàn quốc, Giải vô địch Thể dục Aerobic quốc gia, Giải vô địch trẻ Thể dục Aerobic quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Thể dục Aerobic quốc gia; 3. Tại Giải vô địch trẻ Thể dục Aerobic quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nhóm B dành cho lứa tuổi từ 15 đến 17 tuổi; b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nhóm A dành cho lứa tuổi từ 12 đến 14 tuổi; c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhì đến hạng Ba nhóm B dành cho lứa tuổi từ 12 đến 14 tuổi; d) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nhóm A dành cho lứa tuổi từ 9 đến 11 tuổi; đ) Xếp hạng Nhất nhóm B dành cho lứa tuổi từ 9 đến 11 tuổi;		
--	--	--

e) Đạt từ 13 điểm đến dưới 16 điểm của nội dung thi dành cho lứa tuổi từ 9 đến 11 tuổi; g) Đạt từ 14 điểm đến dưới 16 điểm của nội dung thi dành cho lứa tuổi từ 12 đến 14 tuổi; h) Đạt từ 15 điểm đến dưới 16 điểm của nội dung thi dành cho lứa tuổi từ 15 đến 17 tuổi hoặc nhóm từ 18 tuổi trở lên; 4. Tại Giải vô địch các câu lạc bộ Thể dục Aerobic quốc gia: a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nhóm A dành cho lứa tuổi từ 12 đến 14 tuổi; b) Xếp hạng Nhì hoặc hạng Ba nhóm B dành cho lứa tuổi từ 12 đến 14 tuổi; c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nhóm A dành cho lứa tuổi từ 9 đến 11 tuổi; d) Xếp hạng Nhất nhóm B dành cho lứa tuổi từ 9 đến 11 tuổi; đ) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nhóm B dành cho lứa tuổi từ 15 đến 17 tuổi hoặc nhóm từ 18 tuổi trở lên; e) Đạt từ 13 điểm đến dưới 16 điểm của nội dung thi dành cho lứa tuổi từ 9 đến 11 tuổi; g) Đạt từ 14 điểm đến dưới 16 điểm của nội dung thi dành cho lứa tuổi từ 12 đến 14 tuổi; h) Đạt từ 15 điểm đến dưới 16 điểm của nội dung thi dành cho lứa tuổi từ 15 đến 17 tuổi hoặc nhóm từ 18 tuổi trở lên.		
Tiêu chuẩn số 40. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục dụng cụ I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tám tại một trong các giải: Giải vô địch Thể	Tiêu chuẩn số 40. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục dụng cụ Bãi bỏ cụm từ “Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thể giới” tại khoản 1 mục I; Bãi bỏ cụm từ “Đại hội thể thao trẻ em Châu Á” tại khoản 2 mục I, khoản 2 mục II;	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

dụng cụ thể giới, Giải cúp Thể dụng cụ thể giới, Giải vô địch Thể dụng cụ châu Á, Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thể giới; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Giải vô địch Thể dụng cụ Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Thể dụng cụ thể giới, Giải vô địch trẻ Thể dụng cụ châu Á, Đại hội thể thao trẻ em châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Thể dụng cụ quốc gia; 3. Đạt từ 72.000 điểm trở lên nội dung toàn năng của nam hoặc 48.000 điểm trở lên nội dung toàn năng của nữ tại một trong các giải do Liên đoàn Thể dục thể giới tổ chức hoặc một trong các giải thể thao thành tích cao môn Thể dụng cụ được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, trừ các đại hội được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư này. II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Thể dụng cụ thể giới, Giải vô địch trẻ Thể dụng cụ châu Á, Đại hội thể thao trẻ em châu Á, Giải vô địch Thể dụng cụ quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc; 3. Đạt từ 69.000 điểm trở lên nội dung toàn năng của nam hoặc 46.000 điểm trở lên nội dung toàn năng của nữ tại một trong các giải do Liên đoàn Thể dục	Bãi bỏ khoản 3 mục I; khoản 3 mục II	
--	---	--

thể giới tổ chức hoặc một trong các giải thể thao thành tích cao môn Thể dục dụng cụ được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, trừ các đại hội được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư này.		
Tiêu chuẩn số 41. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục nghệ thuật I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tám tại một trong các giải: Giải vô địch Thể dục nghệ thuật thế giới, Giải cúp Thể dục nghệ thuật thế giới, Giải vô địch Thể dục nghệ thuật châu Á, Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thế giới; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Giải vô địch Thể dục nghệ thuật Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Thể dục nghệ thuật thế giới, Giải vô địch trẻ Thể dục nghệ thuật châu Á, Đại hội thể thao trẻ em châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Thể dục nghệ thuật quốc gia; 3. Đạt từ 50.000 điểm trở lên nội dung toàn năng tại một trong các giải do Liên đoàn Thể dục thế giới tổ chức hoặc một trong các giải thể thao thành tích cao môn Thể dục nghệ thuật được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục,	Tiêu chuẩn số 41. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục nghệ thuật Bãi bỏ cụm từ “Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thế giới” tại khoản 1 mục I; Bãi bỏ cụm từ “Đại hội thể thao trẻ em Châu Á” tại khoản 2 mục I, khoản 2 mục II; Bãi bỏ khoản 3 mục I; khoản 3 mục II	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

thể thao, trừ các đại hội được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư này. II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu một trong các giải: Giải vô địch trẻ Thể dục nghệ thuật thế giới, Giải vô địch trẻ Thể dục nghệ thuật châu Á, Đại hội thể thao trẻ em châu Á, Giải vô địch Thể dục nghệ thuật quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc; 3. Đạt từ 46.000 điểm trở lên nội dung toàn năng tại một trong các giải do Liên đoàn Thể dục thể giới tổ chức hoặc một trong các giải thể thao thành tích cao môn Thể dục nghệ thuật được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, trừ các đại hội được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư này.		
Tiêu chuẩn số 42. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục nhào lộn trên lưới I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tám tại một trong các giải: Giải vô địch Thể dục nhào lộn trên lưới thế giới, Giải cúp Thể dục nhào lộn trên lưới thế giới, Giải vô địch Thể dục nhào lộn trên lưới châu Á, Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thể giới;	Tiêu chuẩn số 42. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục nhào lộn trên lưới Bãi bỏ cụm từ “Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thể giới” tại khoản 1 mục I; Bãi bỏ khoản 3 mục I; khoản 3 mục II	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế

3. Đạt từ 60.000 điểm trở lên nội dung toàn năng tại một trong các giải do Liên đoàn Thể dục thể giới tổ chức hoặc một trong các giải thể thao thành tích cao môn Thể dục nhào lộn trên lưới được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, trừ các đại hội được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư này. II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Đạt từ 50.000 điểm trở lên nội dung toàn năng tại một trong các giải do Liên đoàn Thể dục thể giới tổ chức hoặc một trong các giải thể thao thành tích cao môn Thể dục nhào lộn trên lưới được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, trừ các đại hội được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư này.		
Tiêu chuẩn số 43. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể hình	Tiêu chuẩn số 43. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể hình	Không điều chỉnh
Tiêu chuẩn số 44. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể thao điện tử (E-Sport)	Tiêu chuẩn số 44. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể thao điện tử (E-Sport)	Không điều chỉnh
Tiêu chuẩn số 45. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Trượt băng I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:	Tiêu chuẩn số 45. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Trượt băng I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

1. Tham gia thi đấu tại một trong các giải: Giải vô địch Trượt băng thế giới, Giải vô địch Trượt băng châu Á, Giải vô địch Trượt băng Đông Nam Á, Đại hội thể thao mùa đông Châu Á; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba mươi hai tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Trượt băng thế giới, Giải vô địch trẻ Trượt băng Châu Á, Giải vô địch trẻ Trượt băng Đông Nam Á, Giải Trượt băng trẻ thế giới cho thanh thiếu niên; 3. Xếp hạng Nhất tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Trượt băng quốc gia.	1. Tham gia thi đấu tại Đại hội thể thao mùa đông thế giới; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Mười Sáu tại một trong các giải: Giải vô địch Trượt băng thế giới; Đại hội thể thao mùa đông Châu Á; Giải vô địch Trượt băng châu Á; 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch Trượt băng Đông Nam Á. 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc; giải vô địch Trượt băng quốc gia.	
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Tham gia thi đấu tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Trượt băng thế giới, Giải vô địch trẻ Trượt băng Châu Á, Giải vô địch trẻ Trượt băng Đông Nam Á, Giải Trượt băng trẻ thế giới cho thanh thiếu niên, Giải cúp Trượt băng châu Á; 2. Xếp hạng Nhì tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Trượt băng quốc gia.	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười Bảy đến hạng Hai Tư tại một trong các giải: Giải vô địch Trượt băng thế giới; Đại hội thể thao mùa đông Châu Á; Giải vô địch Trượt băng châu Á; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại Giải vô địch Trượt băng Đông Nam Á. 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Mười Sáu tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Trượt băng thế giới; Giải vô địch trẻ Trượt băng Châu Á; 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Trượt băng Đông Nam Á; 5. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại một trong các giải: Đại hội thể thao	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

	toàn quốc; giải vô địch Trượt băng quốc gia. 6. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại Giải vô địch Trượt băng trẻ quốc gia.	
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Trượt băng quốc gia.	“III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười Bảy đến hạng Hai Tư tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Trượt băng thế giới; Giải vô địch trẻ Trượt băng Châu Á; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại Giải vô địch trẻ Trượt băng Đông Nam Á; 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Chín tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Trượt băng quốc gia. 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại Giải vô địch Trượt băng trẻ quốc gia.”	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
Tiêu chuẩn số 46. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Vật I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại một trong các giải: Giải vô địch Vật Đông Nam Á dành cho lứa tuổi trên 17, Đại hội thể thao trong nhà và Võ thuật châu Á, Đại hội thể thao bãi biển thế giới, Giải vô địch trẻ Vật thế giới, Giải vô địch trẻ Vật châu Á, Đại hội thể thao trẻ em châu Á, vòng loại Đại hội Olympic, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Vật quốc gia, Giải vận động viên Vật xuất sắc dành cho lứa tuổi trên 17;	Tiêu chuẩn số 46. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Vật I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên Vật xuất sắc giành cho lứa tuổi trên 17” tại khoản 2 mục I	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì giải vô địch trẻ Vật quốc gia dành cho lứa tuổi từ 16 đến 17 tuổi hoặc lứa tuổi từ 18 đến 20 tuổi.	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì giải vô địch trẻ Vật quốc gia giành cho lứa tuổi từ 16 đến 17 tuổi hoặc lứa tuổi từ 18 đến 23 tuổi.” 5. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì giải vô địch các câu lạc bộ Vật quốc gia giành cho lứa tuổi từ 16 đến 17 tuổi.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Vật quốc gia dành cho lứa tuổi từ 16 đến 17 tuổi hoặc lứa tuổi từ 18 đến 20 tuổi; 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Chín đến hạng Mười sáu tại Giải vô địch Vật quốc gia hoặc Đại hội thể thao toàn quốc.	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư giải vô địch trẻ Vật quốc gia giành cho lứa tuổi từ 16 đến 17 tuổi hoặc lứa tuổi từ 18 đến 23 tuổi. 5. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư giải vô địch các câu lạc bộ Vật quốc gia giành cho lứa tuổi từ 16 đến 17 tuổi.”	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
Tiêu chuẩn số 47. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Vật dân tộc I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp hạng Nhất tại Giải Anh tài Vật dân tộc quốc gia.	Tiêu chuẩn số 47. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Vật dân tộc I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp hạng Nhất tại Giải vô địch các câu lạc bộ Vật dân tộc Anh tài quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhì đến hạng Tư tại Giải Anh tài Vật dân tộc quốc gia;	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhì đến hạng Tư tại Giải vô địch các câu lạc bộ Vật dân tộc Anh tài quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
Tiêu chuẩn số 48. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Vovinam	Tiêu chuẩn số 48. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Vovinam	

I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch các đội mạnh Vovinam quốc gia.	I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch các câu lạc bộ Vovinam quốc gia.”	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Giải vô địch các đội mạnh Vovinam quốc gia;	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Giải vô địch các câu lạc bộ Vovinam quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Chín đến hạng Mười sáu tại một trong các giải vô địch các đội mạnh Vovinam quốc gia, Giải vô địch Vovinam quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc.	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Chín đến hạng Mười sáu tại một trong các giải vô địch các câu lạc bộ Vovinam quốc gia, Giải vô địch Vovinam quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc.”	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế. .
Tiêu chuẩn số 49. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Võ cổ truyền I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại một trong các giải: Giải vô địch Võ cổ truyền thế giới, Giải vô địch cúp Võ cổ truyền thế giới, Giải vô địch trẻ Võ cổ truyền thế giới, Giải vô địch Võ cổ truyền châu Á, Giải vô địch cúp Võ cổ truyền châu Á, Giải vô địch Võ cổ truyền Đông Nam Á, Giải vô địch cúp Võ cổ truyền, Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Võ cổ truyền quốc gia, Giải vô địch cúp các câu lạc bộ Võ cổ truyền quốc gia, Giải các vận động viên xuất sắc Võ cổ truyền quốc gia; 2. Xếp hạng Nhất tại Liên hoan tinh hoa Võ Việt.	Tiêu chuẩn số 49. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Võ cổ truyền Bãi bỏ cụm từ “Giải vô địch cúp Võ cổ truyền” tại khoản 1 mục I; cụm từ “Giải các vận động viên xuất sắc Võ cổ truyền quốc gia” tại khoản 1 mục I, khoản 3 mục II; bãi bỏ khoản 2 mục I, khoản 4 mục II	Bãi bỏ cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Võ cổ truyền quốc gia, Giải vô địch cúp các câu lạc bộ Võ cổ truyền quốc gia, Giải các vận động viên xuất sắc Võ cổ truyền quốc gia; 4. Xếp hạng Nhì tại Liên hoan tinh hoa Võ Việt;		
Tiêu chuẩn số 50. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Xe đạp thể thao I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư một trong các nội dung: xuất phát đồng hành, tính giờ cá nhân, băng đồng tính giờ, băng đồng Olympic, bảng xếp hạng thời gian chung cuộc tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, giải trong hệ thống thi đấu quốc gia; 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba một trong các nội dung: tính điểm, 500 m tốc độ, đổ đèo, bảng xếp hạng điểm thưởng nước rút chung cuộc, các nội dung cá nhân tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, giải trong hệ thống thi đấu quốc gia; 5. Xếp hạng Nhất một trong các nội dung: đồng đội, bảng xếp hạng điểm thưởng leo núi chung cuộc tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, giải trong hệ thống thi đấu quốc gia.	Tiêu chuẩn số 50. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Xe đạp thể thao I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư một trong các nội dung: xuất phát đồng hành, tính giờ cá nhân, băng đồng tính giờ, băng đồng Olympic, bảng xếp hạng thời gian chung cuộc tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia; 4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba một trong các nội dung: tính điểm, 500 m tốc độ, đổ đèo, bảng xếp hạng điểm thưởng nước rút chung cuộc, các nội dung cá nhân tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;” 5. Xếp hạng Nhất một trong các nội dung: đồng đội, bảng xếp hạng điểm thưởng leo núi chung cuộc tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Mười hai một trong các nội dung: xuất phát đồng hành, tính giờ cá nhân, băng đồng tính giờ, băng đồng Olympic, bảng xếp hạng thời gian chung cuộc tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, giải trong hệ thống thi đấu quốc gia; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Mười một trong các nội dung: tính điểm, 500 m tốc độ, đổ đèo, bảng xếp hạng điểm thưởng nước rút chung cuộc, các nội dung cá nhân khác tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, giải trong hệ thống thi đấu quốc gia; 4. Xếp trong các hạng từ hạng Nhất đến hạng Năm trong bảng xếp hạng vận động viên trẻ xuất sắc tại các giải xe đạp đường trường trong hệ thống thi đấu quốc gia hoặc một trong các nội dung thi đấu: cá nhân, bảng xếp hạng thời gian chung cuộc, bảng xếp hạng điểm thưởng nước rút dành cho lứa tuổi từ 17 đến 18 tuổi tại Giải vô địch trẻ Xe đạp thể thao quốc gia, giải dành cho vận động viên trẻ trong hệ thống thi đấu quốc gia; 6. Xếp hạng Nhì hoặc hạng Ba nội dung đồng đội tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, giải trong hệ thống thi đấu quốc gia;	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Mười hai một trong các nội dung: xuất phát đồng hành, tính giờ cá nhân, băng đồng tính giờ, băng đồng Olympic, bảng xếp hạng thời gian chung cuộc tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia; 2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Mười một trong các nội dung: tính điểm, 500 m tốc độ, đổ đèo, bảng xếp hạng điểm thưởng nước rút chung cuộc, các nội dung cá nhân khác tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia; 4. Xếp trong các hạng từ hạng Nhất đến hạng Năm trong bảng xếp hạng vận động viên trẻ xuất sắc tại các giải xe đạp đường trường trong hệ thống thi đấu quốc gia hoặc một trong các nội dung thi đấu: cá nhân, bảng xếp hạng thời gian chung cuộc, bảng xếp hạng điểm thưởng nước rút giành cho lứa tuổi từ 17 đến 18 tuổi tại Giải vô địch trẻ Xe đạp thể thao quốc gia; 6. Xếp hạng Nhì hoặc hạng Ba nội dung đồng đội tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia;”	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Hoàn thành cự ly thi đấu theo quy định nội dung xuất phát	III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 1. Hoàn thành cự ly thi đấu theo quy định nội dung xuất phát đồng	

đồng hành tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, giải trong hệ thống thi đấu quốc gia; 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười một đến hạng Hai mươi một trong các nội dung: tính điểm, 500 m tốc độ, đổ đèo, nội dung khác tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, giải trong hệ thống thi đấu quốc gia;	hành tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;” 3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười một đến hạng Hai mươi một trong các nội dung: tính điểm, 500 m tốc độ, đổ đèo, nội dung khác tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;”	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
Tiêu chuẩn số 51. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Wushu I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch các đội mạnh Wushu quốc gia.	Tiêu chuẩn số 51. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Wushu I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch các câu lạc bộ Wushu quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.
II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp hạng Ba tại Giải vô địch các đội mạnh Wushu quốc gia;	II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây: 2. Xếp hạng Ba tại Giải vô địch các câu lạc bộ Wushu quốc gia;”	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế
Tiêu chuẩn số 52. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Yoga	Tiêu chuẩn số 52. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Yoga	Không điều chỉnh
	“Tiêu chuẩn số 53. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Đẩy gậy	Môn thể thao được đưa vào hệ thống thi đấu quốc gia
	Tiêu chuẩn số 54. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Kéo co	Môn thể thao được đưa vào hệ thống thi đấu quốc gia
	Tiêu chuẩn số 55. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn MMA	Môn thể thao được đưa vào hệ thống thi đấu quốc gia

	Tiêu chuẩn số 56. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Roller	Môn thể thao được đưa vào hệ thống thi đấu quốc gia
	Tiêu chuẩn số 57. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Rowing biển	Môn thể thao được đưa vào hệ thống thi đấu quốc gia
	Tiêu chuẩn số 58. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Pickleball	Môn thể thao được đưa vào hệ thống thi đấu quốc gia
	Tiêu chuẩn số 59. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Thuyền truyền thống	Môn thể thao được đưa vào hệ thống thi đấu quốc gia
	Tiêu chuẩn số 60. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Triathlon	Môn thể thao được đưa vào hệ thống thi đấu quốc gia
	Tiêu chuẩn số 61. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thành tích cao môn Ván chèo đứng	Môn thể thao được đưa vào hệ thống thi đấu quốc gia

Trên đây là Báo cáo so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao và Phụ lục các môn, Cục Thể dục thể thao Việt Nam kính trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ; Vụ pháp chế Bộ VHTTDL;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Các thành viên TST;
- Lưu: VT, TTTTC, V.5.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Hồng Minh